

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/DS-ST
Ngày: 23 - 5 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Cẩm Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dũng.

2. Bà Đinh Thị Phương Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thành Minh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hòn Đất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang:
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2022/TLST - DS ngày 22 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng dịch vụ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2022/QĐXXST-DS, ngày 28 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn M, sinh năm: 1973; địa chỉ: ấp TA, xã MT, huyện CT, tỉnh KG; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Hải P; địa chỉ: ấp MH, xã ML, huyện HĐ, tỉnh KG (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 29/12/2021 và tại phiên tòa nguyên đơn là ông Phạm Văn M trình bày:

Ông là ngư phủ đi làm trên tàu tải cá biển số KG-92908 do anh Trần Hải P làm thuyền trưởng, công việc của ông là tải cá từ tàu cá vào bến bãi. Giữa ông và ông P thỏa thuận mỗi cuộc tải cá ông được trả số tiền là 2.000.000 đồng, việc thỏa thuận này chỉ nói miệng, không làm hợp đồng. Khoảng giữa năm 2021, ông đã chở

cho ông P được 05 cước tải được số tiền là 10.000.000 đồng. Ông đã nhiều lần yêu cầu ông P thanh toán tiền nhưng ông P vẫn không thanh toán.

Đến ngày 08/07/2021, ông có làm đơn yêu cầu Ban lãnh đạo ấp MH, xã ML đưa vụ việc ra hòa giải. Tại buổi hòa giải ông P có thừa nhận ông đã chở 05 cước tải được số tiền là 10.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông P cho rằng ông làm mất dầu trong ghe nên không đồng ý trả tiền cho ông.

Theo đơn khởi kiện, ông yêu cầu ông P trả cho ông số tiền công lao động là 10.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông khẳng định giữa ông và ông P không ký kết hợp đồng lao động, ông không chịu sự quản lý của ông P, các bên chỉ thỏa thuận làm dịch vụ mỗi chuyến chở cá ông được trả số tiền là 2.000.000 đồng. Do đó, ông yêu cầu ông P trả cho ông số tiền ông đã chở cá 05 chuyến là 10.000.000 đồng.

Bị đơn là ông Trần Hải P đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập ông P đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông P vẫn vắng mặt, không rõ lí do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Phạm Văn M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Hải P trả số tiền ông đã làm dịch vụ chở cá nên quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp “Hợp đồng dịch vụ” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Bị đơn là ông P có địa chỉ nơi cư trú tại xã ML, huyện HD, tỉnh KG nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Ông P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, không rõ lí do. Xét thấy, sự vắng mặt của ông không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS.

[2] Về nội dung:

Quá trình giải quyết vụ án, ông M xác định ông là ngư phủ đi làm trên tàu tải cá biển số KG-92908 do anh Trần Hải P làm thuyền trưởng. Tuy nhiên, giữa ông và ông P không ký kết hợp đồng lao động, ông không chịu sự quản lý của ông P. Giữa ông và ông P chỉ thỏa thuận làm dịch vụ, mỗi chuyến chở cá ông được ông P trả số tiền là 2.000.000 đồng. Vào khoảng giữa năm 2021 ông có chở cá cho ông P được 05 chuyến, số tiền ông được trả là 10.000.000 đồng. Ông đã nhiều lần yêu cầu ông P thanh toán nhưng ông P không thanh toán.

Tuy ông P không gửi văn bản nêu ý kiến về yêu cầu khởi kiện của ông M nhưng tại biên bản hòa giải của Ban lãnh đạo ấp MH, xã ML, huyện HD, tỉnh KG ông P cũng xác định có thuê ông M chạy tàu chở cá, mỗi chuyến là 2.000.000 đồng, ông M đã chở 05 chuyến là 10.000.000 đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông M buộc ông P phải trả số tiền 10.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 513, khoản 2 Điều 515 của Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận toàn bộ.

Ông P cho rằng, sau khi ông M chạy tàu về đậu ở bến cảng thì 06 ngày sau ông phát hiện dầu bị mất, dầu bị hụt 1m² tương đương 1.500 lít nên ông không trả tiền cho ông M. Do ông P không cung cấp tài liệu, chứng minh ông M đã làm mất dầu và làm thủ tục yêu cầu phản tố nên Tòa án không giải quyết. Trường hợp, ông có tranh chấp với ông M về việc mất dầu thì có quyền khởi kiện trong vụ án khác.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án :

Yêu cầu của ông M được chấp nhận nên ông được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 269 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 513, khoản 2 Điều 515, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn M đối với ông Trần Hải P. Buộc ông P phải trả cho ông M số tiền là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí:

Yêu cầu của ông M được Tòa án chấp nhận nên ông M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông M được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001609 ngày 14/02/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là 10.000.000 đồng x 5% = 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu.

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Cẩm Tú